

CHƯƠNG 4 : KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG HTTKT

Mục tiêu của chương

- Nắm bắt các nội dung cơ bản về Kiểm soát nội bộ
- Nắm bắt cách thức tìm hiểu, đánh giá kiểm soát nội bộ trong môi trường máy tính
- Biết cách đánh giá tính kiểm soát của một hệ thống kế toán máy tính

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.2. Thủ tục kiểm soát trong HTTTKT

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

Rủi ro (risk) là các sự kiện ảnh hưởng xấu tới mục tiêu, làm mục tiêu không đạt được.

- Rủi ro bắt nguồn từ bên trong nội bộ doanh nghiệp hoặc bên ngoài doanh nghiệp; từ các nguyên nhân: gian lận, sai sót hoặc các nguyên nhân khách quan không thể kiểm soát (VD: bão lụt, động đất, sự cố chính trị,...).
- Đối với hệ thống thông tin các nguyên nhân trên dẫn tới rủi ro như mất tài sản, hư tài sản, hệ thống thiết bị truyền thông, mất thông tin/dữ liệu, sai lệch, ăn cắp, sửa chữa thông tin/dữ liệu.

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

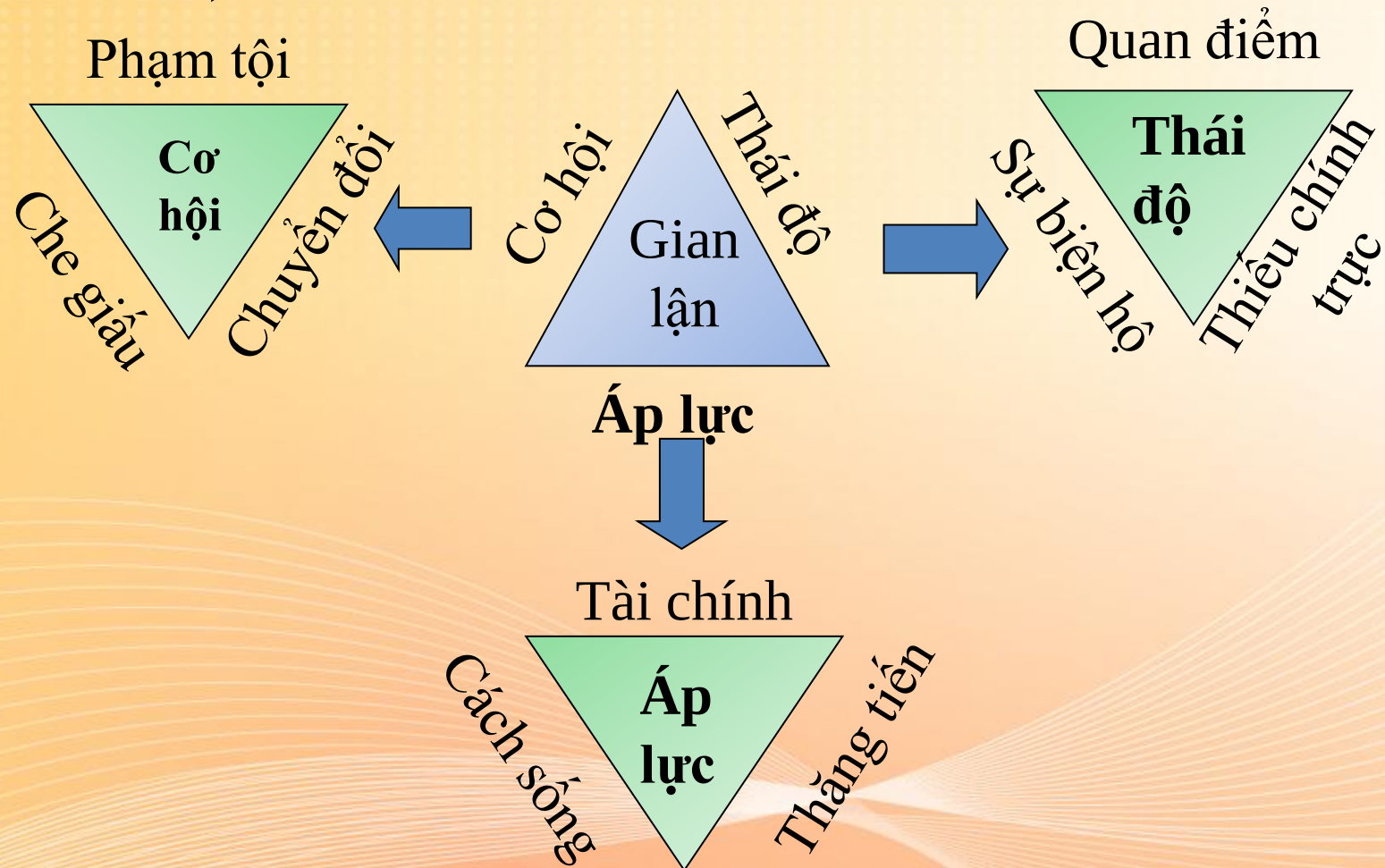
GIAN LẬN

- Lấy cắp, che giấu, chuyển đổi sang người khác
- Tham ô tài sản
- Công bố sai thông tin tài chính
- Mục tiêu của gian lận
 - o Tiền
 - o Tài sản hữu hình
 - o Thông tin

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

Nguyên nhân gian lận (nghiên cứu Donald R.Cressey 1919-1987)



4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

PHÂN LOẠI GIAN LẬN

Loại gian lận	Đặc điểm
Gian lận quản lý	Làm nổi bật BCTC •Được chỉ đạo bởi nhà quản lý cấp cao •Liên quan đến các nghiệp vụ phức tạp và cơ cấu tổ chức •Sự lạm quyền
Gian lận nhân viên	•Lấy cắp hàng tồn kho hay tiền •Gian lận trên tài khoản nợ phải trả trên bảng thanh toán lương hay trên các tài khoản chi phí •Kỹ thuật: Gian lận trước hay sau khi ghi sổ kế toán; thông đồng

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

Loại gian lận	Đặc điểm
Gian lận khách hàng	•KH không thanh toán hay thanh toán không đầy đủ •KH gian lận trong thẻ tín dụng, séc hay hàng hoá
Gian lận NCC	•NCC thu tiền khống •NCC ghi nợ phải thu nhiều lần, lập hoá đơn sai, giao thiếu hàng hay chất lượng hàng thấp •NCC thông đồng với NV công ty
Gian lận máy tính	•Hoạt động gián điệp nhằm lấy trộm thông tin •Ăn cắp bản quyền phần mềm

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

- Theo thống kê của Association of Certified Fraud Examiners (Marsall Romnay, Paul Steinbart 2006), ăn cắp tài sản nhiều gấp 17 lần gian lận báo cáo tài chính, nhưng mức độ thiệt hại của gian lận báo cáo tài chính cao gấp nhiều lần thiệt hại của ăn cắp tài sản.

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

GIỚI THIỆU COSO

COSO (the Committee of Sponsoring Organizations of Treadway Commission) là một Ủy Ban thuộc Hội đồng Quốc gia Hoa Kỳ về chống gian lận khi lập báo cáo tài chính được thành lập 1985 với mục đích gia tăng chất lượng báo cáo tài chính dựa trên những vấn đề về đạo đức kinh doanh, kiểm soát nội bộ hiệu quả và quản lý doanh nghiệp. Tham gia COSO bao gồm:

- Hiệp hội kế toán Mỹ - AAA (American Accounting Association),
- Hiệp hội kế toán công chứng Mỹ - AICPA (American Institute of Certified Public Accountants)
- Hiệp hội kiểm toán nội bộ - IIA (Institute of Internal Auditors)
- Hiệp hội kế toán quản trị - IMA (Institute of Management Accountants)
- Hiệp hội nhà quản lý tài chính – FEI (Financial Executive Institute)

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

- Năm 1992, **COSO ban hành khuôn mẫu kiểm soát nội bộ** (Internal Control- Integrated Framework). Gồm 5 thành phần. Khuôn mẫu này đưa ra các định nghĩa kiểm soát nội bộ và các hướng dẫn cho việc đánh giá và thực hiện gia tăng hệ thống kiểm soát nội bộ. Báo cáo này nhanh chóng **được chấp nhận rộng rãi như những chuẩn mực về kiểm soát nội bộ và được sử dụng để xây dựng các chính sách, nguyên tắc, áp dụng các hoạt động kiểm soát.**
- Năm 2004, COSO ban hành báo cáo thứ 2: Enterprise Risk Management: integrated Framework – Quản trị rủi ro doanh nghiệp (8 thành phần –môi trường nội bộ doanh nghiệp; thiết lập mục tiêu; xác định sự kiện; đánh giá rủi ro; đáp trả rủi ro; hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông; và giám sát)
- 2006, COSO phát hành : “internal control over financial reporting –guidance for small Public companies)

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

ĐỊNH NGHĨA KIỂM SOÁT NỘI BỘ THEO COSO

Kiểm soát nội bộ là **một quá trình** do ban giám đốc, nhà quản lý và các nhân viên của đơn vị chi phối, được thiết lập để cung cấp một sự **đảm bảo hợp lý** nhằm thực hiện **ba mục tiêu**

- Báo cáo tài chính tin cậy
- Các luật lệ và qui định được tuân thủ
- Hoạt động hữu hiệu và hiệu quả

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

PHÂN TÍCH ĐỊNH NGHĨA KSNB

KSNB là một quá trình

- Lan tỏa khắp các hoạt động của đơn vị
- Là một phần cơ bản của hoạt động quản trị

Yếu tố con người

- Bất cẩn, sơ sót con người
- Gian lận: thông đồng hoặc lạm quyền quản lý
- Khả năng nhận biết con người: Kiểm soát chỉ thiết kế cho những gian lận, sai sót nhìn thấy trước

KSNB cung cấp sự đảm bảo hợp lý

- Sự cung cấp hoàn toàn chính xác là khó đạt được
- Giới hạn về chi phí

KSNB là có giới hạn

- Sự nhạy cảm của một số sai sót hay gian lận
- Sai sót về đánh giá, ra quyết định bị che giấu

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

Vai trò của KSNB

- Hỗ trợ đạt mục tiêu
- Hạn chế sự không chắc chắn
- Giúp doanh nghiệp phát triển trong môi trường cạnh tranh thay đổi nhanh chóng
- Hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu của khách hàng và phát huy được ưu thế

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

CÁC THÀNH PHẦN KIỂM SOÁT NỘI BỘ



4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

Là các nhân tố phản ánh sắc thái chung của đơn vị, chi phối ý thức kiểm soát của mỗi thành viên. Môi trường kiểm soát bao gồm:

- Vấn đề nhận thức, quan điểm và thái độ của người quản lý liên quan đến vấn đề kiểm soát
- Trình độ, nhận thức của nhân viên về KSNB

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

Các nhân tố của môi trường KS bao gồm:

- Triết lý quản lý và phong cách hoạt động
- Cơ cấu tổ chức
- Phương pháp ủy quyền
- Khả năng đội ngũ nhân viên
- Chính sách nguồn nhân lực
- Sự trung thực và các giá trị đạo đức
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

ĐÁNH GIÁ RỦI RO

- Đánh giá rủi ro là việc nhận diện rủi ro; phân tích mức độ và khả năng rủi ro xảy ra ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát

4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

ĐÁNH GIÁ RỦI RO



4.1. Tổng quan kiểm soát nội bộ HTTTKT

4.1.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ

ĐÁNH GIÁ RỦI RO

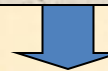
Ứng xử rủi ro:

- Chấp nhận rủi ro
- Tránh rủi ro: từ bỏ mục tiêu
- Chia sẻ rủi ro

- Xác định mục tiêu



- Nhận diện rủi ro

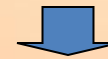


- **Đánh giá mức độ rủi ro**

$$\text{Mức độ rủi ro} = \text{Mức Thiệt hại} \times \text{Xác suất rủi ro}$$



- Các ứng xử rủi ro/ Các thủ tục KS



- Ước tính lợi ích – chi phí thủ tục KS



- Quyết định áp dụng/không áp dụng KS